

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 08/01/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàng
2. Ông Nguyễn Như Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2019/TLST – DS, ngày 30 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-DS ngày 27/11/2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank); địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Nguyễn Thanh U– Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh huyện Ia Grai Đông Gia Lai; địa chỉ: 290 Hùng Vương, thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai

(Theo văn bản ủy quyền số 304/NHNoIGĐGL-GUQ ngày 31/10/2019)(Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn Phù T, xã Ia B, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là làng Păng G – Phù T, xã Ia B, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai)(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Bà Lê Nguyễn Thanh U, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thông qua Chi nhánh huyện Ia Grai Đông Gia Lai (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho Ông Trần Hậu S và bà

Nguyễn Thị H vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 945/2018/HĐTD ngày 03/4/2018, số tiền vay là 350.000.000.000 đồng, mục đích vay: chăm sóc 03 héc - ta cà phê và mua vật dụng gia đình, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 03/4/2018, phân kỳ trả nợ 01 kỳ vào ngày 03/4/2019 và trả lãi vay 03 tháng/lần vào ngày 03 của tháng thứ ba, lãi suất trong hạn 10%/năm, lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.

Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nêu trên, Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 120815/HĐTC ngày 04/8/2015, theo đó ông bà có thế chấp tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BN 435365 do Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/12/2013, thửa đất số 368, tờ bản đồ số 28, diện tích 1972,2 m² tại Thôn Phù T, xã Ia B, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là làng Păng G – Phù T, xã Ia B, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BT 301796 do Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai cấp ngày 26/6/2015, thửa đất số 309, thuộc tờ bản đồ số 36, diện tích 276,5m² tại xã Ia B, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Quyền sử dụng đất số N 798052 do Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai cấp ngày 21/12/1998, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 16, diện tích 2399 m² tại thôn Phù T, xã Ia H, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Sau khi vay tiền, đến ngày 03/7/2018 Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng 8.821.917 đồng tiền lãi. Kể từ đó, ông S và bà H không trả nợ lãi và nợ gốc cho Ngân hàng nên đến ngày 03/4/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng nợ gốc 350.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn (10%/năm) phát sinh từ ngày 04/7/2018 đến 03/4/2019 là 26.178.082 đồng; nợ lãi quá hạn (15%/năm) từ ngày 04/4/2019 đến ngày 08/01/2020 là 40.130.219 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi phải trả là 416.308.219 đồng.

Trong trường hợp, Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H không trả được số nợ gốc và nợ lãi nêu trên, Ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản do ông bà đã thế chấp để thu hồi nợ.

2. Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông bà vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên không có lời khai của họ tại hồ sơ.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ia Grai đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm nghị án và tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, buộc Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi chưa thanh toán theo như yêu cầu của Ngân hàng; đồng thời bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cũng như phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai thì vợ chồng ông Trần Hậu S, bà Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Phù T, xã Ia B, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là làng Păng G, xã Phù T, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai). Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nơi bị đơn cư trú có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Ngày 03/4/2018 các bên đương sự xác lập hợp đồng dân sự, theo đó Ngân hàng đã cho ông Sinh, bà Hoa vay tiền. Theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các bị đơn: Ông S, bà H đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tổng đạt, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Hợp đồng vay tài sản ngày 03/4/2018 do các bên đương sự xác lập có thỏa thuận về thời hạn trả nợ, bên vay tiền phải trả toàn bộ nợ gốc vào ngày 03/4/2019, đồng thời cũng thỏa thuận thời hạn trả nợ lãi 03 tháng/lần, kể từ ngày vay cho nên đây là hợp đồng vay có thời hạn, có lãi. Lẽ ra, phía bị đơn phải thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết, thế nhưng sau khi vay tiền bị đơn chỉ trả được 8.821.917 đồng tiền nợ lãi; số tiền nợ gốc và nợ lãi còn lại bị đơn không trả. Do bị đơn đã vi phạm hợp đồng, không trả nợ gốc và nợ lãi đúng hạn nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về lãi suất: Hợp đồng do các đương sự xác lập có thỏa thuận về việc bên vay phải trả nợ lãi trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 15%/năm. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự cho nên được chấp nhận. Cụ thể được tính như sau:

Lãi trong hạn: $350.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 273 \text{ ngày (từ ngày 04/7/2018 đến 03/4/2019)} = 26.178.082 \text{ đồng}$

Lãi quá hạn: $350.000.000 \text{ đồng} \times 15\%/365 \text{ ngày} \times 279 \text{ ngày (từ 04/4/2019 đến 08/01/2020 (ngày xét xử))} = 40.130.137 \text{ đồng}$

Từ những đánh giá, nhận định như trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 468, 470 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam nợ gốc 350.000.000 đồng, nợ lãi 66.308.219 đồng.

[4] Về hợp đồng thế chấp: Theo như hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 120815/HĐTC ngày 04/8/2015 thể hiện Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H đã đồng ý sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất số BN 435365, số BT 301796 và số N 798052 để thế chấp tại Ngân hàng là nhằm mục đích bảo đảm cho khoản tiền vay. Tuy hợp đồng thế chấp này được xác lập trước thời điểm ký kết hợp đồng vay tài sản, nhưng trong ngày 03/4/2018 giữa Ngân hàng và Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H đã tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐTC, theo đó các bên đã thống nhất thỏa thuận phụ lục hợp đồng này là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 120815/HĐTC ngày 04/8/2015. Trong khi đó, hợp đồng thế chấp đã được chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm, phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng là trong trường hợp bị đơn không trả được nợ gốc và nợ lãi nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 158, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 465, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Chi nhánh huyện Ia Grai Đông Gia Lai 416.308.219 đồng (trong đó nợ gốc 350.000.000 đồng, nợ lãi 66.308.219 đồng).

Kể từ ngày 09/01/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H không trả được các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, các tài sản được quyền yêu cầu phát mãi gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BN 435365 do Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/12/2013, thửa đất số 368, tờ bản đồ số 28, diện tích 1972,2 m² tại Thôn Phù T, xã Ia B, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là làng Păng G – Phù T, xã Ia B, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BT 301796 do Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai cấp ngày 26/6/2015, thửa đất số 309, thuộc tờ bản đồ số 36, diện tích 276,5m² tại xã Ia B, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Quyền sử dụng đất số N 798052 do Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai cấp ngày 21/12/1998, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 16, diện tích 2399 m² tại thôn Phù T, xã Ia H, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

2. Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.652.329 đồng (hai mươi triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng); hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam 10.530.959 đồng (mười triệu, năm trăm ba mươi nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005774 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai.

3. Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND H. Ia Grai;
- Chi cục THADS H. Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Lưu Anh Tuấn

